



CHÍNH SÁCH DÂN TỘC VỚI SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC DÂN TỘC

ThS. HÀ ĐỨC ĐÀ

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc

1. Chính sách dân tộc

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, sự tồn tại các dân tộc và mối quan hệ giữa các dân tộc là điều kiện tất yếu của chính sách dân tộc. Theo quan niệm chung, chính sách dân tộc là tập hợp những quan điểm, đường lối, chính sách và những giải pháp thực hiện của Nhà nước, tác động trực tiếp đến các dân tộc và quan hệ dân tộc. Chính sách dân tộc mang bản chất giai cấp của Nhà nước trong phạm vi đối nội và đối ngoại. Mở rộng ra, trong quan hệ quốc tế, chính sách dân tộc thể hiện quan điểm, thái độ của Nhà nước với các dân tộc và các quốc gia dân tộc khác trên thế giới. Trong bài viết này, chỉ đề cập đến chính sách dân tộc trong phạm vi quốc gia.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã xác định đúng đắn và thực hiện nhất quán chính sách dân tộc. Những quan điểm, đường lối đó được cụ thể hóa bằng việc ban hành các nghị quyết, các văn bản qui phạm pháp luật và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Qua các thời kì khác nhau của cách mạng chính sách dân tộc đã đem lại những thành tựu to lớn, góp phần làm nên những trang sử hào hùng của dân tộc:

- Thời kì đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945): Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đường lối, quan điểm giải quyết vấn đề dân tộc của Đảng ta được thể hiện trong *Chánh cương, Sách lược văn tắt, Điều lệ tóm tắt* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo khi thành lập Đảng (3-2-1930). Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng (3-1935) nhấn mạnh: *Đảng cộng sản thừa nhận cho các dân tộc có quyền tự do hoàn toàn. Đảng chống chế độ thuộc địa, chống các hình thức trực tiếp và gián tiếp đem dân tộc này đàn áp và bóc lột dân tộc khác.* Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong

thời kì này là một sáng tạo to lớn trong chính sách dân tộc của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh. Chính sách dân tộc thời kì này đã tạo ra một lực lượng cách mạng to lớn, một khối đoàn kết các dân tộc do Mặt trận Việt minh lãnh đạo. Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chứng minh sự đúng đắn của đường lối cách mạng của Đảng, trong đó có chính sách dân tộc.

- Thời kì đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ, giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc (1946-1975): Tháng 8-1952, Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết quan trọng về vấn đề dân tộc. Tháng 6-1953, Nhà nước ban hành chính sách dân tộc, qui định các mặt công tác chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng dân tộc thiểu số. Quan điểm *đoàn kết các dân tộc trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ để kháng chiến, kiến quốc, giúp nhau tiến bộ về mọi mặt* đã được khẳng định và ghi vào văn kiện của Đảng và Nhà nước ta. Trong thời kì này chính sách dân tộc đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cả nước, đánh thắng hai đế quốc là Pháp và Mĩ, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền nam, thống nhất tổ quốc, đưa dân tộc ta vào thời kì mới - thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

- Thời kì cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới: Nghị quyết Đại hội IV, V, VI, VII và VIII của Đảng đều khẳng định những nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là *bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.* Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 72-NQ/HĐBT ngày 13-3-1990 của Chính phủ về một số chủ trương chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi, đặt nền tảng cho quá trình đổi mới chính sách dân



tộc của Đảng và Nhà nước ta.

- Thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước được cụ thể trong 3 vấn đề cơ bản sau: (i) *Chính sách phát triển kinh tế vùng dân tộc*, nhằm phát huy những thế mạnh, tiềm năng của vùng đồng bào dân tộc, gắn với kế hoạch phát triển kinh tế chung của cả nước; (ii) *Chính sách xã hội*, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, chống các tệ nạn xã hội...nhằm nâng cao năng lực cho các dân tộc; (iii) *Chính sách liên quan đến quốc phòng an ninh*, nhằm củng cố các địa bàn chiến lược, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề đoàn kết các dân tộc và quan hệ dân tộc qua biên giới. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới đất nước nói chung, vùng dân tộc và miền núi nói riêng trong giai đoạn này đã khẳng định sự đúng đắn của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Thực tế cách mạng Việt nam hơn 80 năm qua, đã chứng minh chính sách dân tộc đã góp phần quan trọng trong giải quyết các vấn đề dân tộc, các mối quan hệ dân tộc. Ngày nay, trong sự nghiệp CNH-HĐH và hội nhập quốc tế đặt ra nhiệm vụ cần phải tiếp tục thực hiện chính sách dân tộc. Muốn vậy cần phải nắm vững những vấn đề cơ bản của chính sách dân tộc, đó là những đặc điểm và những nguyên tắc của chính sách dân tộc:

- Đặc điểm của chính sách dân tộc: Chính sách dân tộc là một phạm trù lịch sử và còn tồn tại lâu dài; chính sách dân tộc có quan hệ với chính sách giai cấp và phụ thuộc vào bản chất giai cấp của chính quyền; chính sách dân tộc có quan hệ với chính sách tôn giáo; chính sách dân tộc có nội dung sâu sắc và toàn diện; chính sách dân tộc là chính sách đa ngành.

- Nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc: Bình đẳng giữa các dân tộc, đoàn kết các dân tộc và tương trợ giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển.

Trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc đòi hỏi phân biệt rõ chính sách dân tộc với *chính sách xã hội, chính sách dân vận và chính sách miền núi*. Chính sách *xã hội* quan tâm đến mọi tầng lớp dân cư trong xã hội, do đó bao quát đến cả dân tộc. Nhưng chính sách *xã hội* không đồng nhất với chính sách dân tộc mà tác động đến các dân

tộc và mối quan hệ dân tộc như là đối tượng của chính sách xã hội. Chính sách *dân vận* thể hiện những chủ trương, chính sách tổ chức và vận động quần chúng, bao gồm các giai cấp và tầng lớp trong xã hội. Như vậy, chính sách dân vận bao gồm cả việc vận động các thành viên của các dân tộc tham gia vào các tổ chức quần chúng và do đó chính sách dân vận không đồng nhất với chính sách dân tộc. Chính sách *miền núi* thể hiện sự quan tâm đến đặc điểm vùng cư trú là miền núi (thực tế còn được bổ sung thêm: vùng sâu, vùng xa, vùng cao) có nhiều khó khăn về giao thông, điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa do địa hình phức tạp và địa bàn cư trú xa nhau. Thông thường đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú chủ yếu ở vùng núi, nên thực hiện chính sách miền núi thể hiện sự quan tâm đến đồng bào dân tộc. Như vậy, chính sách miền núi liên quan đến các dân tộc, nhưng không đồng nghĩa với chính sách dân tộc, dù có liên quan trực tiếp đến các dân tộc và quan hệ dân tộc trong quốc gia.

Từ sự khác nhau giữa chính sách dân tộc với các chính sách nêu trên cho thấy chính sách dân tộc là chính sách có đối tượng tác động cụ thể, riêng biệt và giải quyết những vấn đề về dân tộc và mối quan hệ dân tộc. Thực hiện chính sách xã hội, dân vận và miền núi đối với đồng bào dân tộc là thể hiện chính sách dân tộc, nhưng các chính sách đó không đồng nhất với chính sách dân tộc. Không phân biệt được rõ sự khác biệt đó dễ dẫn tới chủ quan về nội dung, phương pháp, tổ chức thực hiện và do đó việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước sẽ không đem lại kết quả mong đợi.

2. Tác động của chính sách dân tộc vào sự phát triển giáo dục dân tộc

Quan điểm phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước ta được thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ: *Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*. Điều 2, Luật Giáo dục năm 2005, quy định: *Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với*



lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xuất phát từ thực tế của nước ta, với những đặc điểm về dân tộc (ngôn ngữ, văn hóa, số dân); về vùng miền (đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo...); về điều kiện phát triển kinh tế - xã hội... ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển giáo dục. Cho nên, trong quá phát triển giáo dục việc ban hành chính sách hỗ trợ để mỗi vùng, miền thực hiện được mục tiêu giáo dục của mình và khi đó cả hệ thống giáo dục sẽ thực hiện được mục tiêu chung.

Giáo dục dân tộc là một bộ phận của giáo dục quốc dân. Phát triển giáo dục dân tộc không chỉ thực hiện mục tiêu chung mà còn giải quyết các vấn đề riêng của vùng dân tộc: Nâng cao dân trí, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo nguồn cán bộ người dân tộc; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong khi vùng dân tộc lại là vùng mà các điều kiện phát triển giáo dục gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần có chính sách ưu tiên phát triển giáo dục vùng dân tộc. Để có những chính sách phát triển giáo dục dân tộc có hiệu quả cần trước hết cần xác định rõ những đặc điểm chủ yếu của các dân tộc thiểu số ở nước ta:

- Các dân tộc đều có chung vận mệnh lịch sử, gắn bó với sự ra đời và phát triển của tổ quốc Việt Nam thống nhất; đoàn kết dân tộc là nét chủ đạo, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trường kì lịch sử.

- Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam rất phong phú và đa dạng, được thể hiện rất rõ nét trong sắc thái văn hóa vùng và văn hóa tộc người. Mỗi dân tộc lại có tiếng nói riêng, có dân tộc có chữ viết, có dân tộc chưa có chữ viết. Nguồn gốc chữ viết, lịch sử hình thành, chức năng xã hội của các ngôn ngữ dân tộc cũng không hoàn toàn giống nhau.

- Các dân tộc thiểu số phân bố trên một địa bàn rộng lớn (2/3 diện tích của cả nước), có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng.

- Các dân tộc sống xen kẽ và có số dân không đồng đều. Theo điều tra dân số, ở nước ta có 5 dân tộc có dân số trên 1 triệu người (Tày, Thái, Khmer, Mường, Hoa); có 9 dân tộc có dân số 10 - 60 vạn người (Jrai, Ê đê, Bahnar, Sán chay, Chăm, Xơ

đăng, Sán Diu, Cơ Ho); có 14 dân tộc có từ 1.000 người - 1 vạn người; có 5 dân tộc có dân số từ 200 - 500 người (Ơ Đu, Si La, Pu Péo, Brâu, Rơ Măm). Sự không đồng đều về số dân đặt ra cho giáo dục câu hỏi làm thế nào để thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng dân tộc.

- Các dân tộc phát triển không đồng đều về kinh tế - xã hội. Dân tộc có dân số đông đã có kinh tế sản xuất nên có đời sống kinh tế khá hơn, dân tộc có dân số ít còn sống du canh du cư, sẵn bản đời sống hết sức khó khăn.

Trên cơ sở nguyên tắc chung là bình đẳng, đoàn kết tương trợ giúp nhau cùng phát triển, ở mỗi giai đoạn cách mạng Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách phát triển giáo dục dân tộc. Có nhiều các khác nhau để tiếp cận hệ thống chính sách này:

- Theo cách tiếp cận hệ thống chính trị, gồm có:

+ Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết TW, chỉ thị của Đảng

+ Hiến pháp (năm 46, 59, 80 và 92); Luật Giáo dục (năm 1998, 2005) của Nhà nước.

+ Nghị định, Chỉ thị, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

+ Thông tư liên tịch, quyết định, chỉ thị của Bộ, ngành

+ Chỉ thị, Nghị quyết của tỉnh, huyện.

- Theo cách tiếp cận giáo dục và đào tạo, gồm có:

+ Chính sách về hệ thống giáo dục, về loại hình trường, lớp;

+ Chính sách thực hiện nội dung, phương pháp giáo dục;

+ Chính sách với cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh;

+ Chính sách đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị.

Trong nhiều năm qua, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy giáo dục dân tộc phát triển. Bài viết này xin nêu một số kết quả tác động của sách dân tộc với sự phát giáo dục dân tộc đối với phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và phát triển tiếng nói và chữ viết dân tộc thiểu số. Theo chúng tôi, đây là 2 kết quả



tác động rõ nét nhất:

(i). Chính sách phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú:

Trong cách mạng dân tộc dân chủ các trường dành riêng cho học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) đã được thành lập để tạo nguồn đào tạo cán bộ người DTTS. Sau giải phóng miền Nam, cả nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc đào tạo cán bộ người DTTS để phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng dân tộc và miền núi là yêu cầu cấp bách của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và đến Hiến pháp năm 1992 đều thể hiện quan điểm của Nhà nước về chính sách dân tộc và chính sách phát triển giáo dục dân tộc. Điều 36, Hiến pháp 1992 qui định: *Nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên bảo đảm phát triển giáo dục ở miền núi, các vùng dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn.*

Cụ thể hóa Hiến pháp, Nhà nước ban hành nhiều văn bản pháp qui về phát triển trường dành riêng cho con em dân tộc thiểu số và sau đó được cụ thể hóa trong Luật Giáo dục năm 1998, Luật Giáo dục năm 2005. Điều 61, Luật Giáo dục 2005 qui định: *Nhà nước thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học cho con em dân tộc thiểu số, con em gia đình các dân tộc định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm góp phần tạo nguồn đào tạo cán bộ cho các vùng này. Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học được ưu tiên bố trí giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị và ngân sách.*

Trên cơ sở Hiến pháp và Luật Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT): Quyết định 661/QĐ ngày 29/6/1985; quyết định 2590 ngày 14/8/1997; quyết định số 49/2008/BGDĐT ngày 25/ 8/ 2008. Đồng thời các bộ ngành ban hành Thông tư liên tịch quy định về chế độ học bổng, học phẩm... đối với học sinh DTTS theo học tại các trường PTDTNT.

Với sự tác động của những chính sách dân tộc, từ chỗ chỉ có một vài trường đến nay trường

PTDTNT đã phát triển thành hệ thống trường từ Trung ương đến địa phương.

Tính đến năm học 2010 - 2011 hệ thống trường PTDTNT có 296 trường với trên 90.000 học sinh theo học¹ (xem bảng).

| TT | Tên trường PTDTNT | Số trường | Số học sinh | Ghi chú |
|----|------------------------|-----------|-------------|---------------------------|
| 1 | Trường trung ương (TW) | 07 | 3.000 | Cấp bộ quản lí |
| 2 | Trường tỉnh | 50 | 18.000 | Cấp sở quản lí |
| 3 | Trường huyện | 239 | 70.000 | Cấp sở quản lí chuyên môn |
| | Tổng cộng | 296 | 91.000 | |

Hệ thống trường PTDTNT thực sự trở thành mũi nhọn của giáo dục dân tộc, tạo nguồn đào tạo cán bộ cho vùng dân tộc và miền núi, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Có thể khẳng định trường PTDTNT là địa chỉ giáo dục tin cậy của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta. Đồng bào các dân tộc tự hào khi có con em được học tại trường PTDTNT và xem trường PTDTNT là hình ảnh sinh động của chủ nghĩa xã hội ở vùng dân tộc.

(ii). Chính sách về dạy tiếng nói, chữ viết dân tộc thiểu số:

Là một quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc có tiếng nói riêng. Việc duy trì và phát triển tiếng nói, chữ viết của cộng đồng ngôn ngữ thiểu số không chỉ nhằm bảo tồn ngôn ngữ và bản sắc văn hóa mà còn tạo ra nền tảng vững chắc để học sinh khi học ngôn ngữ thứ 2.

Hiến pháp năm 1959 quy định (Điều 3): *Các dân tộc có quyền duy trì hoặc sửa đổi phong tục, tập quán, dùng tiếng nói, chữ viết, phát triển văn hoá dân tộc của mình.* Hiến pháp năm 1980 qui định (Điều 5): *Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.* Và đến Hiến pháp năm 1992 (Điều 5): *Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.*

1. Nguồn: Vụ Giáo dục dân tộc (Số liệu HS không lấy số lẻ). Trong số 7 Trường TW có: 3 trường do Bộ GD&ĐT quản lý; 04 phân hiệu, trường do Bộ Quốc phòng quản lý.



Luật Giáo dục năm 1998, Luật Giáo dục năm 2005 qui định (Điều 7): *Nhà nước tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giúp cho học sinh người dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp thu kiến thức khi học tập trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo qui định của Chính phủ.*

Thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển tiếng nói chữ viết các dân tộc thiểu số từ cuối những năm 50 và đầu năm 60, ngành giáo dục đã triển khai dạy chữ Thái, chữ Mông và chữ Tày -Nùng ở các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Nghĩa Lộ và các tỉnh thuộc Khu tự trị Việt Bắc. Từ những năm 1962 đến 1978, tiếng Tày - Nùng được dạy xen kẽ với tiếng Việt ở các tỉnh thuộc khu tự trị Việt Bắc. Từ những năm 1982 đến 1987, tiếng Jrai, Bahnar, Ê đê được dạy ở các tỉnh Tây Nguyên.

Đến nay nhiều ngôn ngữ dân tộc đã được dạy như một môn học trong nhà trường như: Tiếng Khmer ở Trà Vinh, Sóc Trăng và một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; tiếng Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận; tiếng Jrai, Bahnar, Ê đê được dạy ở các tỉnh Tây Nguyên; tiếng Mông ở Lào Cai; tiếng Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh... Trước nguyện vọng của đồng bào dân tộc và thực tế triển khai thử nghiệm việc dạy tiếng dân tộc gần nửa thế kỉ, đồng thời tiếp thu những mặt tích cực trong các văn bản pháp luật về dạy ngôn ngữ dân tộc trước đây, ngày 15 tháng 7 năm 2010 Chính phủ ban hành Nghị định số 82/2010/NĐ-CP qui định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên. Đây là văn bản qui phạm pháp luật mới nhất về dạy và học ngôn ngữ dân tộc. Tuy nhiên, với sự phát triển mạnh mẽ việc dạy tiếng nói chữ viết dân tộc như hiện nay, chúng ta chờ đợi kết quả thực hiện Nghị định đồng thời cũng mong mỏi có những hướng dẫn, điều chỉnh kịp thời để đáp ứng với yêu cầu phát triển.

3. Kết luận

Những thành tựu phát triển giáo dục dân tộc trong những năm qua là kết quả của sự phấn đấu

không mệt mỏi của các thầy cô giáo, các cháu học sinh, của ngành giáo dục và toàn xã hội. Những thành tựu đó còn là kết quả của sự tác động của chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta

Ngày nay, trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, hệ thống chính sách dân tộc nói chung, chính sách phát triển giáo dục dân tộc nói riêng còn bộc lộ những bất cập mà hệ quả của nó là sự phát triển giáo dục dân tộc chưa bền vững, chất lượng giáo dục còn thấp, một số dân tộc có dân số ít còn chưa có người đạt trình độ đại học, cao đẳng... Vì vậy, chính sách phát triển giáo dục dân tộc cần được tiếp tục điều chỉnh, bổ sung để cập nhật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hiến pháp năm 1992, NXB Chính trị quốc gia. Năm 1992.
2. Hiến pháp năm 1946; Hiến pháp năm 1959; Hiến pháp năm 1980.
3. Luật Giáo dục 1998, NXB Giáo dục, NXB Chính trị quốc gia.
4. Luật Giáo dục 2005, NXB Giáo dục, NXB Chính trị quốc gia. Tháng 11/ 2005.
5. UBND và miền núi (2001), *Về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc ở nước ta*. NXB Chính trị Quốc gia.
6. Quyết định 661/QĐ, ngày 29/6/1985 của Bộ trưởng Bộ GD về Quy định về tổ chức và hoạt động của các trường PTDTNT.
7. Nghị định số 82/2010/NĐ-CP, ngày 15 tháng 7 năm 2010, của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

SUMMARY

From the view of ethnicity is the collection of views, policies and measures by the state, impacting directly the ethnic groups; the author highlights the impacts of ethnicity policies to the development of ethnicity education, with the two most obvious outcomes: the boarding schools for ethnic students and the policy concerning teaching ethnicity languages for ethnic minorities being implemented nationwide.